

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/ 2020/HS-ST
Ngày: 20- 5- 2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Thảo;
2. Ông Nguyễn Thành Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 5 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Phan Thị Mỹ D, sinh năm 2001 tại Kiên Lương – Kiên Giang; Nơi cư trú: Tổ 09, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Hữu N (đã chết) và bà Nguyễn Thị Bé H; Chưa có chồng, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/11/2019 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Bà Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Tổ 01, ấp L, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang, có mặt.

Người được chỉ định bào chữa cho bị cáo: Luật sư Lôi Văn Đức - Luật sư Văn phòng Luật sư Hùng Đức thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang, có mặt.

Người làm chứng:

- Ông Trần Văn S, sinh năm 1980, vắng mặt;

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1996, vắng mặt;
- Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 2001, vắng mặt;
- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 2001, vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 28/3/2019, Công an phường Núi Sam kiểm tra căn nhà bỏ hoang (thuộc tổ 09, khóm Vĩnh Đông, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc), phát hiện, lập biên bản quả tang Phan Thị Mỹ D và Nguyễn Trí M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C đang cất giấu, sử dụng ma túy, thu giữ của D 01 túi nhựa trong suốt, một đầu có rãnh khóa viền màu đỏ, có 10 đoạn ống hút nhựa màu xanh, sọc trắng, chứa tinh thể trắng và 01 túi nhựa trong suốt, một đầu có rãnh khóa viền màu xanh, có chứa chất bột trắng. D khai ma túy đá và Heroin, mua của Đỗ Minh Đ, cất giấu bán cho những người nghiện, để thu lợi, vào khoảng 06 giờ ngày 28/3/2019, D nhờ M giao bán cho Trần Văn S 01 tép ma túy đá, giá 50.000 đồng, cùng bị bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ của D: 01 túi nhựa trong suốt, một đầu có rãnh khóa viền màu đỏ, có 10 đoạn ống hút nhựa màu xanh, sọc trắng, chứa tinh thể trắng và 01 túi nhựa trong suốt, một đầu có rãnh khóa viền màu xanh, có chứa chất bột trắng; 01 ly thủy tinh gắn liền cổ chai, nắp nhựa màu đỏ 02 lỗ nhỏ; 01 ống thủy tinh; 01 ống hút nhựa, sọc cam – trắng – đen, bề cong; tiền Việt Nam 590.000 đồng (đã chuyển cơ quan Thi hành án dân sự).

Kết luận giám định số 83/KLGD-PC09(MT) ngày 28/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang, ghi nhận: Mẫu M1 gửi đến giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,1454 gam; Mẫu M2 gửi đến giám định là ma túy, loại Heroin, khối lượng 0,0056 gam. Tổng khối lượng 02 chất ma túy là 0,1510 gam.

Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 2952/C09B ngày 20/6/2019 của Phân viện Khoa học hình sự, tại thành phố Hồ Chí Minh, xác định: Thời điểm giám định (tháng 6/2019), Phan Thị Mỹ D có độ tuổi từ 16 năm 09 tháng đến 17 năm 03 tháng.

Ngày 23/7/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Châu Đốc ban hành Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Phan Thị Mỹ D.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo khai nhận, bản thân bị cáo nghiện ma túy, để có tiền tiêu xài và ma túy sử dụng, bị cáo đã 04 lần mua ma túy của Đỗ Minh Đ, tổng cộng khoảng 40 tép ma túy đá, giá 30.000 đồng/tép; khoảng 20 tép Heroin, giá 60.000 đồng/tép, bán lại cho Trần Văn S, Nguyễn Văn T và nhiều người nghiện khác, thu lợi từ 1.200.000 đồng đến 1.400.000 đồng. Riêng ngày 28/3/2019, bị cáo nhờ Nguyễn Trí M giao bán cho Sang 01 tép ma túy đá, giá

50.000 đồng; bị cáo trực tiếp bán cho T 01 tép Heroin, giá 90.000 đồng; số còn lại bị cáo cất giấu để tiếp tục bán và sử dụng, bị bắt quả tang.

Trần Văn S khai nhiều lần mua ma túy đá và Heroin của D bán để sử dụng; Nguyễn Văn T khai mua của D 02 lần, mỗi lần 01 tép Heroin; ngày 28/3/2019 D nhờ Mạnh giao bán cho Sang 01 tép ma túy đá giá 50.000 đồng.

Cáo trạng số 24/CT-VKSCĐ ngày 03 tháng 4 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo Phan Thị Mỹ D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội D cáo trạng truy tố không có ý kiến tranh luận và xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Xét lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và lời khai người làm chứng, cũng như vật chứng được thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ khác được cơ quan Điều tra thu thập và được thẩm tra tại phiên tòa. Từ đó có cơ sở xác định bị cáo hành vi nhiều lần bán ma túy cho nhiều đối tượng nghiện. Vì vậy, Cáo trạng truy tố bị cáo về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên giữ nguyên quyết định truy tố.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước ta đối với chất ma túy và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo D trên 16 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi, do đó khi quyết định hình phạt cần áp dụng những quy định của Bộ luật Hình sự về xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại chương XII Bộ luật Hình sự, để xét xử đối với bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử khi lượng hình có xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo về sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, quá trình điều tra đã tự thú khai báo những lần bán ma túy trước đó; sau khi bị phát hiện bị cáo ra đầu thú và nhân thân thuộc thành phần nhân dân lao động, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế, chưa có tiền án, tiền sự được quy định tại điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 251; các điểm s, r khoản 1, 2 Điều 51, 54 Điều 91, 98 và Điều 101 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 4 năm đến 5 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về áp dụng biện pháp tư pháp, bị cáo khai nhận số tiền hưởng lợi từ việc

bán ma túy cho các đối tượng nghiện là 590.000 đồng đã bị thu giữ, đề nghị sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với vật chứng được thu giữ trong vụ án, đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với Nguyễn Trí M, sau khi phạm tội, bỏ trốn khỏi địa phương, có quan điều tra đang truy nã, bắt được, xử lý sau;

Đối với Đỗ Minh Đ có hành vi bán ma túy cho D, đã đi khỏi địa phương, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý theo luật định;

Đối với Trần Văn Sang, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn C là những người nghiện, sử dụng trái phép chất ma túy, đã áp dụng biện pháp xử lý hành chính, cần giáo dục công khai tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo, Luật sư Lôi Văn Đức tranh luận: Thống nhất quan điểm của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; các tình tiết giảm nhẹ; mức hình phạt như luận tội của đại diện Viện Kiểm sát. Về hoàn cảnh gia đình, cha chết, bị cáo không biết chữ và thiếu sự chăm sóc giáo dục đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo; luận cứ người bào chữa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại nên về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của người làm chứng đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định vẫn tiến hành xét xử.

Về nội D:

[3] Hành vi phạm tội:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai người làm chứng được cơ quan điều

tra thu thập và thẩm tra tại phiên tòa về khoảng thời gian, địa điểm cũng như cách thức mua bán, loại ma túy và giá tiền mà các bị cáo đã bán ma túy:

Ngoài ra hành vi bị cáo thực hiện còn phù hợp với các chứng cứ khác như kết luận giám định, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ liên quan khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ các căn cứ nêu trên, có cơ sở xác định trong khoảng thời gian từ ngày 26/3/2019 đến ngày 28/3/2019 bị cáo nhiều lần có hành vi bán ma túy cho nhiều người nghiện. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi mua và bán ma túy là vi phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung cấu thành tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên”; “đối với 02 người trở lên” được quy định tại điểm b, c, khoản 2 Điều 215 Bộ luật Hình sự.

Ma túy là chất gây nghiện, là mầm mống phát sinh nhiều tệ nạn xã hội và tội phạm nên Nhà nước độc quyền quản lý, nghiêm cấm các động sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển, sử dụng trái phép. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Xét có mức hình phạt nghiêm, phát huy tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo có thái độ thanh khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khai báo hành vi phạm tội đã thực hiện trước đó; ngoài ra bị cáo ra đầu thú, về nhân thân chưa có tiền án tiền sự, thuộc thành phần nhân dân lao động, bị cáo không biết chữ nên có sự hạn chế trong nhận thức pháp luật. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt chính: Do bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên xét áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung cũng đủ răn đe, giáo dục đối với bị cáo. Ngoài ra tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo trên 16 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi, do đó Hội đồng xét xử có xem xét áp dụng những quy định của Bộ luật Hình sự về xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại chương XII Bộ luật Hình sự đối với bị cáo như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên và Luật sư bào chữa.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 6 Điều 91 Bộ luật Hình sự không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Đối với số ma túy đã thu giữ còn lại sau giám định là chất cấm lưu hành, xét tịch thu tiêu hủy.

- 01 ly thủy tinh gắn liền cổ chai, nắp nhựa màu đỏ 02 lỗ nhỏ; 01 ống thủy tinh; 01 ống hút nhựa, sọc cam – trắng – đen, bề cong là công cụ bị cáo sử dụng ma túy không còn giá trị sử dụng, tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 590.000 đồng là số tiền bị cáo có được từ việc bán ma túy, xét tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[7] Những vấn đề khác:

Đối với Nguyễn Trí M, sau khi phạm tội, bỏ trốn khỏi địa phương, cơ quan điều tra đang truy nã, có Quyết định tách vụ án khi bắt được, xử lý sau;

Đối với Đỗ Minh Đ có hành vi bán ma túy cho D, đã đi khỏi địa phương, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý theo luật định;

Đối với Trần Văn S, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn C là những người nghiện, sử dụng trái phép chất ma túy, đã áp dụng biện pháp xử lý hành chính, không đề cập đến.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, 54; Điều 91, 98, khoản 1 Điều 101 và Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015;

Tuyên bố: Bị cáo Phan Thị Mỹ D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

Xử phạt: Bị cáo Phan Thị Mỹ D 05 (năm) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo Phan Thị Mỹ D được tính kể từ ngày 28/11/2019 (ngày hai mươi tám, tháng mười một, năm hai nghìn không trăm mười chín).

Căn cứ vào Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong (vụ số: 83/KLGT-PC09(MT) ngày 28/4/2019) có đóng dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang và các chữ ký tên: Nguyễn Thị Kiều Thúy, Nguyễn Đăng Khoa và Ôn Văn Thuận; 01 ly thủy tinh gắn liền cổ chai, nắp nhựa màu đỏ 02 lỗ nhỏ; 01 ống thủy tinh; 01 ống hút nhựa, sọc cam – trắng – đen, bề cong.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: Tiền Việt Nam tổng cộng 590.000 (năm trăm chín mươi nghìn) đồng, giấy nộp tiền số 001089 ngày 24/3/2020.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Điều tra - Công an thành phố Châu Đốc với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc ngày 24/3/2020).

Căn cứ Điều 135, Điều 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Phan Thị Mỹ D phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người đại diện hợp pháp và người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Luật sư chỉ định;
- Người đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bích Thủy